

**CÔNG TY TNHH HTV HƯỞNG XUÂN**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH HTV HƯỞNG XUÂN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HTV HUONG XUAN COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110851733

**3. Ngày thành lập:** 02/10/2024

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 58 Đường Nguyễn Trục, Tổ 7, Phường Phú Lãm, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0782479898

Fax:

Email: [khanhscurf@gmail.com](mailto:khanhscurf@gmail.com)

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Mã ngành    |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột                                                                                                                                                                                                                                              | 1062        |
| 2.  | Sản xuất các loại bánh từ bột                                                                                                                                                                                                                                                              | 1071        |
| 3.  | Sản xuất đường                                                                                                                                                                                                                                                                             | 1072        |
| 4.  | Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo                                                                                                                                                                                                                                                        | 1073        |
| 5.  | Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự                                                                                                                                                                                                                                               | 1074        |
| 6.  | Sản xuất chè                                                                                                                                                                                                                                                                               | 1076        |
| 7.  | Sản xuất cà phê                                                                                                                                                                                                                                                                            | 1077        |
| 8.  | Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                                                                                             | 1079        |
| 9.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết:<br>- Đại lý bán hàng hóa (không bao gồm đấu giá tài sản);<br>- Môi giới mua bán hàng hóa (không bao gồm môi giới chứng khoán, bảo hiểm, bất động sản và môi giới hôn nhân có yếu tố nước ngoài)<br>(Trừ hàng hóa bị cấm đầu tư kinh doanh) | 4610        |
| 10. | Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ                                                                                                                                                                                                                                             | 4631        |
| 11. | Bán buôn thực phẩm<br>Chi tiết: Bán buôn thực phẩm, thực phẩm bổ sung, thực phẩm chức năng, thực phẩm bảo vệ sức khỏe                                                                                                                                                                      | 4632(Chính) |
| 12. | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4633        |
| 13. | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                                                                                                                                                                                                                       | 4641        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 14. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh<br>- Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác<br>- Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh<br>- Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện<br>- Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự<br>- Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm<br>- Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao                                              | 4649 |
| 15. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4669 |
| 16. | Bán buôn tổng hợp<br>(Trừ hàng hóa bị cấm đầu tư kinh doanh)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4690 |
| 17. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo<br>chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4711 |
| 18. | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp<br>Chi tiết: Bán lẻ trong siêu thị (Supermarket); Bán lẻ trong cửa<br>hàng tiện lợi (Minimarket); Bán lẻ trong cửa hàng kinh doanh<br>tổng hợp khác<br>(Trừ hàng hóa bị cấm đầu tư kinh doanh)                                                                                                                                                                                                               | 4719 |
| 19. | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4721 |
| 20. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh, mứt,<br>kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột trong<br>các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                    | 4722 |
| 21. | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4723 |
| 22. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Trừ: Kinh doanh các lĩnh vực tem, súng đạn, tiền kim khí,<br>vàng miếng và các mặt hàng nhà nước cấm kinh doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4773 |
| 23. | Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh<br>- Bán lẻ thảm treo tường, thảm trải sàn, đệm, chăn, màn;<br>- Bán lẻ sách, truyện, báo, tạp chí;<br>- Bán lẻ trò chơi và đồ chơi;<br>- Bán lẻ thiết bị, đồ dùng gia đình, hàng điện tử tiêu dùng;<br>- Bán lẻ đĩa ghi âm thanh, hình ảnh;<br>- Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ<br>- Bán lẻ đồng hồ, kính mắt lưu động hoặc tại chợ | 4789 |
| 24. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet<br>(Loại trừ đấu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4791 |
| 25. | Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Bán lẻ các loại hàng hóa bằng phương thức khác chưa<br>kể ở trên như: bán trực tiếp hoặc chuyển phát theo địa chỉ; bán<br>thông qua máy bán hàng tự động; Bán lẻ của các đại lý hưởng<br>hoa hồng (ngoài cửa hàng)<br>(Trừ hàng hóa bị cấm đầu tư kinh doanh)                                                                                                                                         | 4799 |

|     |                                                                                                                                                                    |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 26. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa<br>(Không bao gồm: kinh doanh bất động sản và cho thuê kho bãi)                                                                        | 5210 |
| 27. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt                                                                                                           | 5221 |
| 28. | Bốc xếp hàng hóa                                                                                                                                                   | 5224 |
| 29. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ                                                                                                            | 5225 |
| 30. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động<br>(Không bao gồm kinh doanh quán Bar, phòng hát Karaoke, vũ trường)                                              | 5610 |
| 31. | Quảng cáo<br>(trừ loại hình nhà nước cấm)                                                                                                                          | 7310 |
| 32. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại<br>(Trừ hoạt động hợp báo)                                                                                               | 8230 |
| 33. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>(Loại trừ dịch vụ báo cáo tòa án và hoạt động đấu giá tài sản, dịch vụ lấy lại tài sản) | 8299 |

**6. Vốn điều lệ:** 1.000.000.000 VNĐ

#### 7. Danh sách thành viên góp vốn:

| STT | Tên thành viên    | Quốc tịch | Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức         | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------------|-----------|--------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN HỮU HUÔNG  | Việt Nam  | Tổ 8, Phường Phú Lâm, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                 | 800.000.000           | 80,000    | 001075022854                                                                                            |         |
| 2   | NGUYỄN QUỐC KHÁNH | Việt Nam  | Tổ 7, Đường Huyền Kỳ, Phường Phú Lâm, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | 200.000.000           | 20,000    | 001201014290                                                                                            |         |

#### 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN QUỐC KHÁNH

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 10/11/2001

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001201014290

Ngày cấp: 10/04/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Tổ 7, Đường Huyền Kỳ, Phường Phú Lãm, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 58 Đường Nguyễn Trực, Tổ 7, Phường Phú Lãm, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội